

Bản án số: **58** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 -7-2018
Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai;

Bà: Quang Kim Cúc.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung tham gia phiên toà:
Bà Bùi Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại hội trường Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12/4/2018, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 204/QĐST-HNGĐ, ngày 11/7/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1970; Địa chỉ: ấp ĐP, xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1971; Địa chỉ: ấp ĐP, xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm: 1992; Địa chỉ: ấp Đ P, xã Đ H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 12/4/2018; Các lời khai có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Năm 1987 bà và ông T chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn, đến ngày 14/7/2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Hòa, huyện Lai Vung. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2011 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thường xuyên uống rượu, rượt đánh bà N nhưng có người can ngăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình từ đó bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không quan tâm lẫn nhau, khoảng 02 năm gần đây mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay bà N không còn tình cảm với ông T, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Nguyễn Thị N nhất quyết yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn T.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thị T, sinh ngày 24/02/1988, Phạm Thị X, sinh ngày 09/10/1991 và Phạm Văn L, sinh năm 1994, Do Phạm Thị T, Phạm Thị X, Phạm Văn L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ khi ly hôn: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Phạm Văn T. Về con chung đã trưởng thành, về tài sản và nợ khi ly hôn: Bà N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà N với ông Phạm Văn T, đây là vụ án “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại ấp Định Phú, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Phạm Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa không có lý do. Tòa án đã thực hiện tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987, đến ngày 14/7/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Hòa, huyện Lai Vung theo đúng quy định pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2011 vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông T thường hay uống rượu, có lời lẽ chửi mắng, rượt đánh bà N nhưng có người can ngăn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, tình trạng hôn nhân của Nguyễn Thị N và Phạm Văn T không thể hàn gắn, Bà N nhất quyết ly hôn Phạm Văn T. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng Phạm Văn T luôn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được, điều này cho thấy ông T không có thiện chí đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, cho nên yêu cầu ly hôn của bà N đã thỏa mãn các điều kiện theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thị T, sinh ngày 24/02/1988, Phạm Thị X, sinh ngày 09/10/1991 và Phạm Văn L, sinh năm 1994. Do Phạm Thị T, Phạm Thị X, Phạm Văn L đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn và nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Nguyễn Thị N được ly hôn Phạm Văn T.
2. Về án phí và tạm ứng án phí:

Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng mà bà N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001206, ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Bà Nguyễn Thị N đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/7/2018). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CC THA-DS H.Lai Vung;
- Các đ/s;
- Lưu: HS (Q), AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thị Bích Huyền